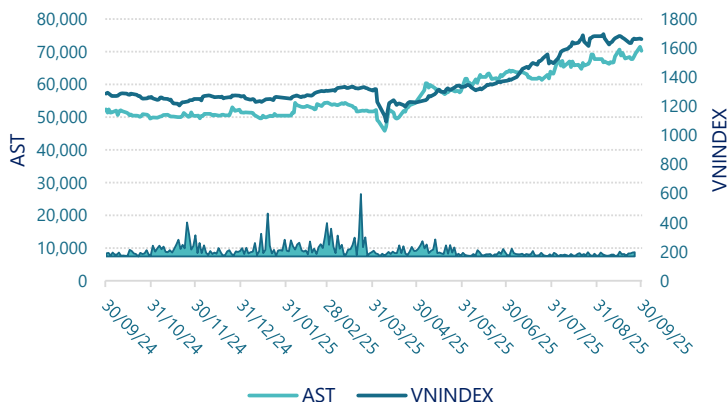




CTCP Dịch vụ Hàng không Taseco (HSX: AST)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	72,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	71,501
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	45,834
SL cổ phiếu LH	45,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	9,080
% sở hữu nước ngoài	45.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,272
P/E	14.3
EPS	5,076

DT thuần

Q3/25

458

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 64.0 | 16.3%

YoY: ▲ 129 | 39.3%

LN sau thuế

Q3/25

89.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 12.2 | 15.7%

YoY: ▲ 40.1 | 80.8%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

23.1%

+/- YoY: ▲ 3.3%

DT thuần

9T 2025

1,237

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 258 | 26.4%

LN sau thuế

9T 2025

241

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 98.0 | 68.8%

ROE

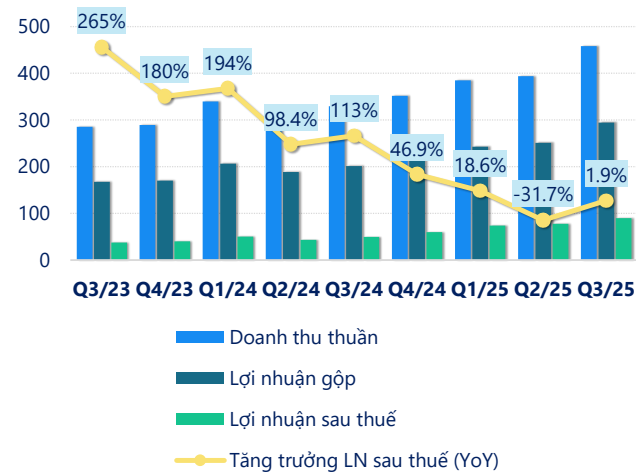
Q3/25

32.3%

+/- YoY: ▲ 9.9%

tỷ VNĐ

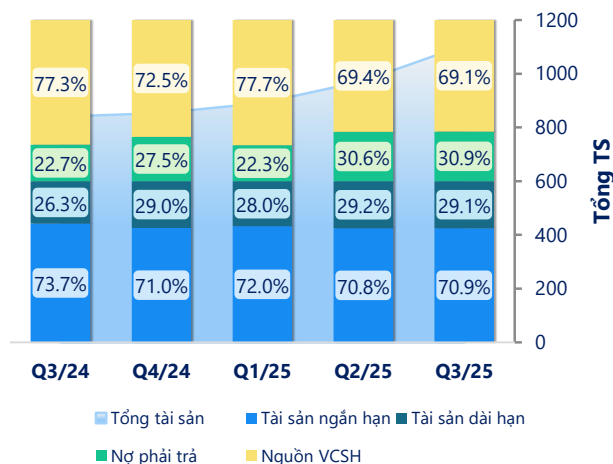
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

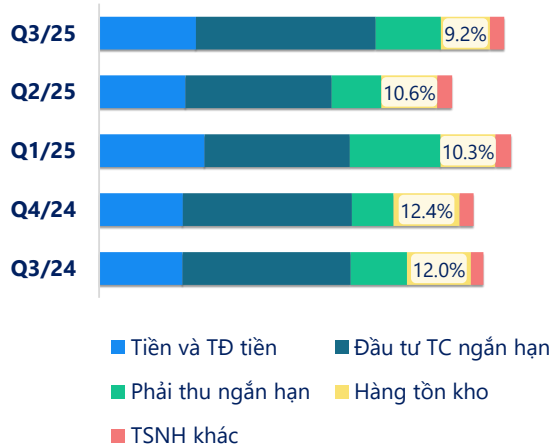
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



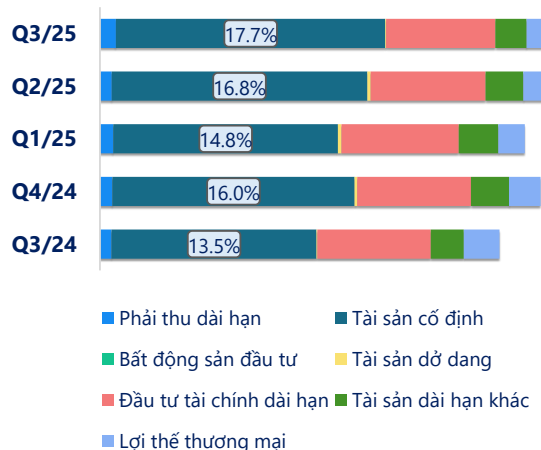
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

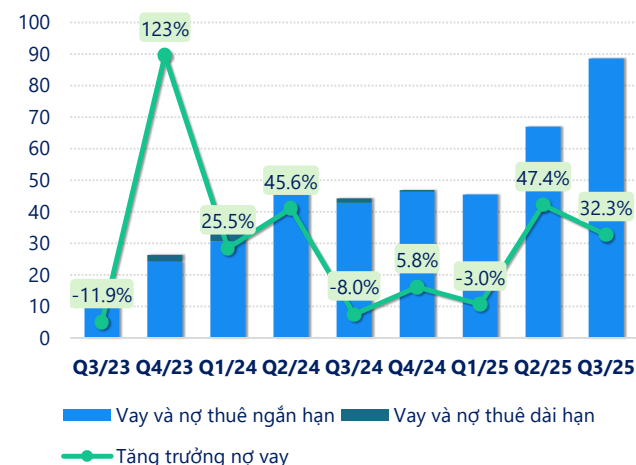
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

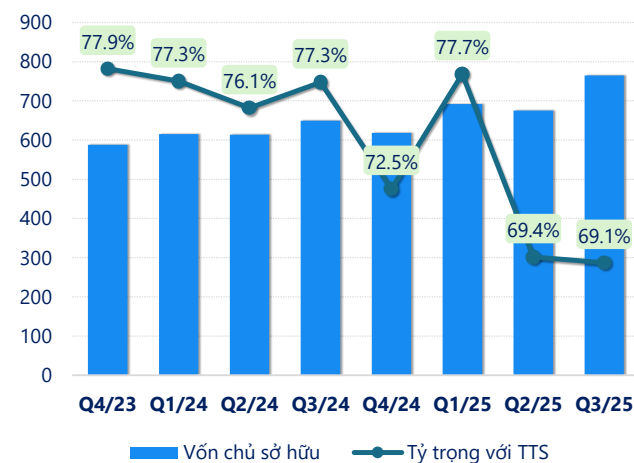
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

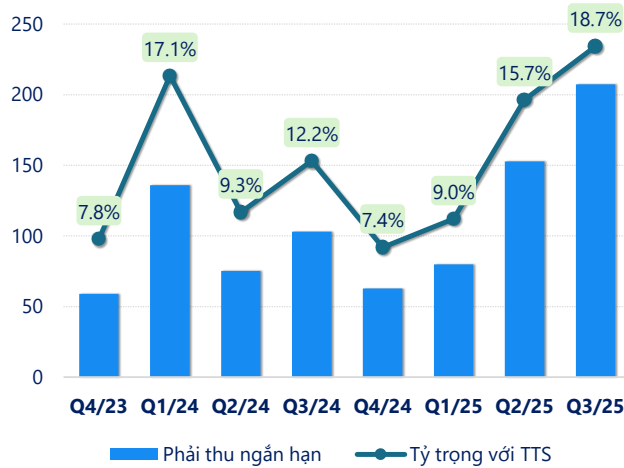
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



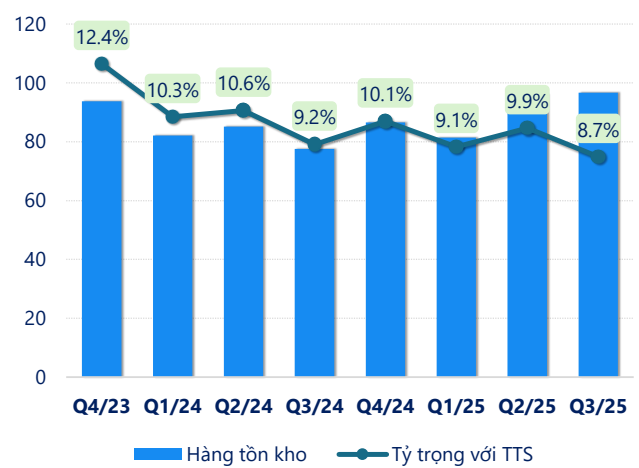
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


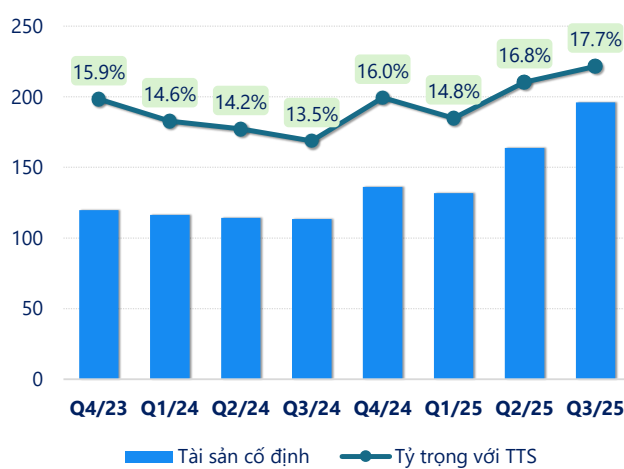
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


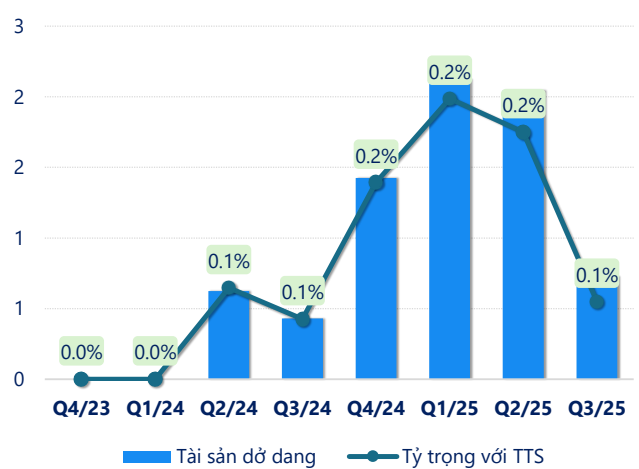
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

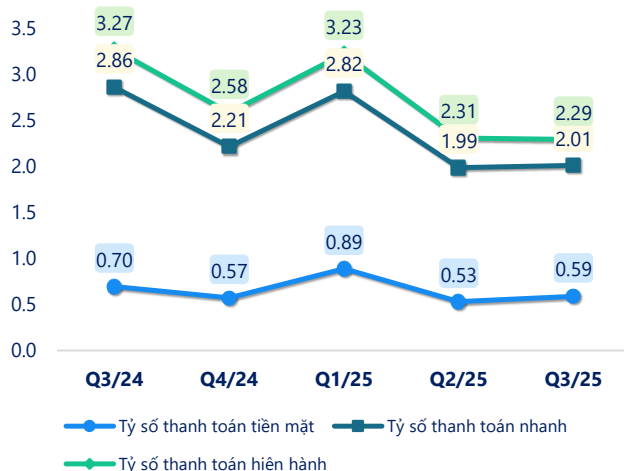
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

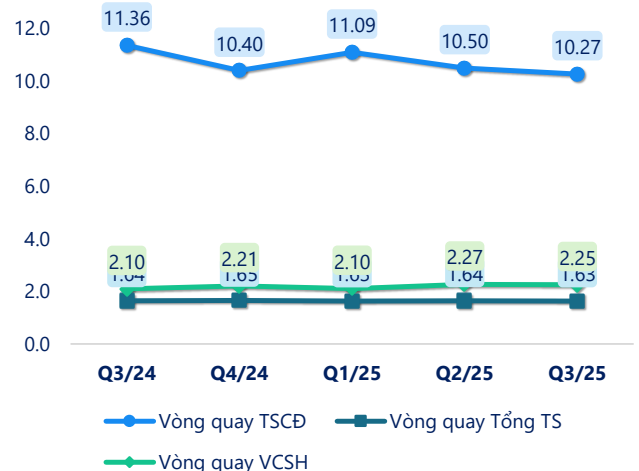
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	840	853	891	973	1,106
Tài sản ngắn hạn	619	606	642	689	784
Tiền và tương đương tiền	132	135	177	158	201
Đầu tư tài chính ngắn hạn	284	297	276	250	242
Phải thu ngắn hạn	103	62.7	79.8	153	207
Hàng tồn kho	77.6	86.6	81.4	96.1	96.7
Tài sản ngắn hạn khác	22.6	24.8	27.7	31.5	36.3
Tài sản dài hạn	221	247	249	284	322
Phải thu dài hạn	6.41	6.92	7.84	7.51	11.7
Tài sản cố định	113	136	132	164	196
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.43	1.43	2.12	2.04	0.73
Đầu tư tài chính dài hạn	62.7	64.0	68.7	73.6	79.5
Tài sản dài hạn khác	18.2	21.4	23.2	24.3	22.8
Lợi thế thương mại	19.9	17.7	15.5	13.3	11.7
Nợ phải trả	191	235	199	298	342
Nợ ngắn hạn	189	234	199	298	342
Vay và nợ thuê ngắn hạn	42.8	46.3	45.4	67.0	88.6
Phải trả người bán ngắn hạn	50.7	69.6	63.3	66.7	53.9
Nợ dài hạn	1.48	0.56	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	1.48	0.56	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	650	618	692	675	764
Vốn chủ sở hữu	650	618	692	675	764
Vốn điều lệ	450	450	450	450	450
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)